

Số: 530/XDHN-BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (PVOIL Hà Nội) xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 như sau:

PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

I. Đặc điểm tình hình năm 2022

1. Tình hình thị trường kinh doanh xăng dầu

Năm 2022, giá xăng dầu biến động hết sức phức tạp. Xung đột căng thẳng giữa Nga – Ukraina hồi đầu năm 2022 khiến giá hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu bị đẩy lên cao kỷ lục, trong đó có mặt hàng dầu. Đối với thị trường trong nước, Nhà nước tiến hành điều chỉnh giá bán lẻ 34 lần với biên độ tăng/ giảm lớn, điều chỉnh giá phí bảo vệ môi trường và thuế nhập khẩu xăng dầu những tháng cuối năm. Thị trường tiếp tục có sự cạnh tranh gay gắt từ các đơn vị đầu mối và công tác điều hành nguồn hàng, tồn kho vô cùng khó khăn trước diễn biến “dị biệt” của thị trường.

2. Tình hình nhân sự của HĐQT năm 2022

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã được bầu bổ sung thêm 01 thành viên (Ông Đỗ Khắc Cường - Giám đốc Chi nhánh PVOIL Hà Nội tại Hà Giang kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh PVOIL Hà Nội tại Tuyên Quang) theo văn bản giới thiệu của Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP, nâng



tổng số thành viên HĐQT của Công ty lên 05 người với cơ cấu 04 thành viên kiêm nhiệm và 01 thành viên chuyên trách.

Ngày 25/5/2022, Ông Lưu Chí Nguyên có đơn từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT chuyên trách để chuyển công tác. Ngay sau đó, HĐQT đã thực hiện các thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với Ông Lưu Chí Nguyên và bầu bổ sung Ông Đào Xuân Hữu – Phó Giám đốc PVOIL Hà Nội, Người đại diện phần vốn PVOIL tại PVOIL Hà Nội để thay thế cho Ông Lưu Chí Nguyên.

Ngay sau khi có sự thay đổi nhân sự thành viên, HĐQT đã tiến hành họp phân công lại nhiệm vụ các thành viên phù hợp năng lực, sở trường công tác, đồng thời trao đổi và thống nhất phương thức hoạt động đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao phó.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022

1. Tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty và triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ 2022

HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn và Tổng công ty, đồng thời triển khai thực các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022. HĐQT đã ban hành 40 Nghị quyết, Quyết định trong năm để chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ xuống đến đơn vị. Bên cạnh đó, HĐQT cũng tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng/ quý và đưa ra ý kiến nhận xét, đánh giá, định hướng hoạt động đối với hoạt động SXKD của đơn vị.

2. Đánh giá công tác tổ chức các cuộc họp định kỳ của HĐQT

Bên cạnh việc thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng/ quý với Ban điều hành Công ty, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ hàng quý và họp đột xuất để xem xét các kiến nghị, đề xuất của Ban điều hành. Các vấn đề lớn, quan trọng đã được HĐQT phê duyệt thông qua trong năm trên cơ sở đề xuất của Ban điều hành và ý kiến của các thành viên HĐQT bao gồm:

- Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2022 của PVOIL Hà Nội;
- Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên;
- Thông qua kế hoạch định biên lao động năm 2022;
- Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2021 của cán bộ quản lý và Người lao động PVOIL Hà Nội; xây dựng đơn giá tiền lương, quỹ lương của cán bộ quản lý và Người lao động năm 2022;
- Phê duyệt chi thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và phương án trả lương đối với thành viên HĐQT mới bổ nhiệm;
- Phê duyệt đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;

- Thông qua trình ĐHĐCĐ kiện toàn nhân sự HĐQT và báo cáo xin ý kiến Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP kiện toàn nhân sự Ban điều hành;
- Thông qua chi trả cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Phê duyệt tăng hạn mức tín dụng các ngân hàng phục vụ nhu cầu SXKD của Công ty;
- Thông qua một số nội dung về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2022;
- Các nội dung bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao nhiệm vụ kiêm nhiệm cho cán bộ quản lý các cấp.

3. Công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của HĐQT với Ban điều hành và các tổ chức đoàn thể

a. Đối với Ban điều hành

Theo phân công công việc, từng thành viên HĐQT đã phối hợp, chỉ đạo và định hướng cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực trong hoạt động SXKD đảm bảo tuân thủ đúng quy chế, quy định quản lý của Tổng công ty và Công ty.

Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động SXKD, Ban điều hành đã triển khai nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm, đồng thời thực hiện tốt vai trò tham mưu cho các quyết sách của HĐQT. Các thành viên Ban điều hành luôn phối hợp chặt chẽ và sâu sát trong chỉ đạo, đảm bảo hoạt động SXKD của đơn vị thông suốt và hiệu quả.

b. Đối với Ban kiểm soát

HQĐT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Hàng tháng, Ban kiểm soát đều duy trì báo cáo đánh giá hoạt động của Ban điều hành đồng thời đưa ra các cảnh báo rủi ro trong hoạt động SXKD của đơn vị để Ban điều hành có biện pháp khắc phục, phòng ngừa phù hợp.

c. Đối với các tổ chức đoàn thể

HQĐT luôn tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát, đánh giá cán bộ, bổ nhiệm/ bổ nhiệm lại cán bộ trong phạm vi phân cấp. Đối với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, HQĐT luôn quan tâm, tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể hoạt động tốt, chăm lo, động viên khích lệ đời sống CBCNV Công ty. Trong năm, các tổ chức đoàn thể của Công ty đã chủ động triển khai tốt các chương trình hành động, chương trình công tác năm 2022, phát động phong trào thi đua gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác an sinh xã hội. Đoàn thanh niên Công ty tổ chức thành công Đại hội Đoàn cơ sở PVOIL Hà Nội nhiệm kỳ 2022-2027 và nhiệt tình phối hợp với Công đoàn tham gia các hội thi, phong trào thể dục thể thao do công đoàn Ngành, công đoàn Tổng công ty phát động đạt nhiều thành tích cao.

4. Đánh giá tình hình hoạt động của PVOIL Hà Nội trong năm tài chính 2022

Bảng các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2022	Thực hiện năm 2022	So với KH năm 2022
1	2	3	4	5	6=5/4
I	Sản lượng tiêu thụ				
1	Xăng dầu	M3/tấn	351.500	451.913	128,6%
2	Dầu mỡ nhờn	lít	86.000	51.854	60,3%
II	Các chỉ tiêu kinh tế				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.698	9.420	254,7%
2	Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	176,2	245,98	139,6%
	Chi phí đồng/lít	Đồng/lít	501	544	108,6%
3	Lợi nhuận TT	Tỷ đồng	12,6	16,18	128,4%
4	Các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	700	709	101,3%
III	Chỉ tiêu đầu tư				
1	CHXD	CH	4	3	75%
IV	Chỉ tiêu lao động				
1	Định biên lao động	Người	442	416	94,1%
2	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng	12,7	18,0	141,7%

4.1. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh

Tháng 01/2022, HĐQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2022 của PVOIL Hà Nội và báo cáo các chỉ tiêu kế hoạch chính tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch giao nội bộ và chủ động, sát sao chỉ đạo các đơn vị triển khai cụ thể nhiệm vụ trên từng lĩnh vực.

a. Về kinh doanh xăng dầu

- Năm 2022, PVOIL Hà Nội tiếp tục giữ vững vị thế là đơn vị phân phối hàng đầu của PVOIL, triển khai tốt các hoạt động kinh doanh theo chính sách bán hàng và công nợ của Tổng công ty, đảm bảo an toàn nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Khai thác linh hoạt và có hiệu quả nguồn hàng mua ngoài bổ sung (ngoài nguồn mua của TCT), đặc biệt là trong các thời điểm “dị biệt” của thị trường, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu PVOIL đối với khách hàng.

- Đơn vị hoàn thành chỉ tiêu sản lượng bán hàng thực hiện năm 2022 cao nhất từ trước đến nay, đạt 452 nghìn m³/tấn, bằng 128,6% kế hoạch (351,5 nghìn m³), tăng 22% so với năm 2021 (371 nghìn m³). Đảm bảo hiệu quả kinh doanh tốt trong điều kiện bối cảnh thị trường vô cùng khó khăn (Lợi nhuận đạt 16,18 tỷ đồng, bằng 128,4% kế hoạch).

- Hệ thống phân phối được duy trì ổn định, bên cạnh khối bán lẻ, hệ thống khách hàng công nghiệp được chú trọng phát triển với sản lượng bán hàng đạt 116,2% kế hoạch năm, chiếm tỷ trọng 25,2% trong cơ cấu bán hàng, tham gia và trúng nhiều gói thầu quan trọng với nhiều khách hàng trong ngành Than, Điện, Đường sắt...

- Sản lượng bán hàng theo kênh phân phối như sau:

STT	Kênh BH	ĐVT	KH 2022		TH 2022		TH/ KH 2022
			Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4
1	TNPP/TNNQ/ĐL	m ³ /tấn	160.000	45,5%	238.124	52,7%	148,8%
2	KHCN và mua bán	m ³ /tấn	98.000	27,9%	113.887	25,2%	116,2%
3	CHXD	m ³ /tấn	93.500	26,6%	99.902	22,1%	106,8%
Tổng cộng		m³/tấn	351.500	100,0%	451.913	100,0%	128,6%

* Sản lượng trên không bao gồm sản lượng DMN

Về phát triển hệ thống khách hàng, đơn vị đã rất nỗ lực cố gắng trong công tác thị trường để duy trì khách hàng truyền thống, tận dụng mọi cơ hội tiếp cận và mở rộng khách hàng tiềm năng. Kết quả thực hiện cả năm PVOIL Hà Nội có 141 khách hàng lớn, trong đó, 32 TNPP & TNNQ, 39 Đại lý, 59 khách hàng mua bán và công nghiệp và khoảng 11 khách hàng là các đơn vị nội bộ.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh xăng dầu truyền thống, năm 2022 PVOIL Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng qua chương trình PVOIL Easy, trong đó đơn vị đã ký hợp đồng với rất nhiều khách hàng mới và sản lượng thực hiện năm 2022 là 27.800 m³, đạt 130% KH (21.330 m³); bình quân đạt 2.300 m³/tháng, tăng 44% so với 2021.

b. Các hoạt động kinh doanh khác (ngoài xăng dầu)

- Bên cạnh việc đẩy mạnh các loại hình kinh doanh vận tải, bán bảo hiểm dân sự, bộ sản phẩm PVOIL Care..., năm 2022 Công ty tiếp tục triển khai ký hợp đồng cho thuê quảng cáo với 03 đơn vị (Công ty CP lọc hóa dầu Bình Sơn BSR, Tổng công ty khí - PVGas và Tổng công ty phân bón và hóa chất dầu khí PVFCCo) và phối hợp với đối tác triển khai lắp đặt hệ thống trạm sạc điện tại các CHXD mà Vinfast lựa chọn trong năm 2022.

- Tổng doanh thu từ các hoạt động, dịch vụ phụ trợ năm 2022 đạt hơn 11 tỷ đồng, trong đó: cho thuê quảng cáo và cho thuê mặt bằng đạt 4,8 tỷ; dịch vụ PVOIL Easy 2,4 tỷ; PVOIL care 65 triệu, Bảo hiểm TNDS 105 triệu, PVMart 2,8 tỷ và doanh thu trạm sạc điện Vinfast (phát sinh từ Quý IV/2022) là 756 triệu.

4.2. Về công tác đầu tư, phát triển hệ thống

a. Về đầu tư hệ thống kho bể tồn chứa

Năm 2022, bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý giám sát, đảm bảo Kho Bắc Giang luôn được vận hành khai thác an toàn, hiệu quả, Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư hệ thống đo bồn bể tự động tại Kho Bắc Giang và nghiệm thu đưa vào

sử dụng từ Quý IV/2022. Ngoài ra, công tác dịch vụ, phục vụ khách hàng tại Kho cũng ngày càng chuẩn hóa, chuyên nghiệp thông qua việc thực hiện tốt Đề án 808 về nâng cao chất lượng dịch vụ kho xăng dầu.

b. Về phát triển hệ thống cửa hàng xăng dầu

HDQT đã quyết liệt chỉ đạo đơn vị tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư CHXD dưới mọi hình thức (đầu tư mới, mua lại, liên kết hợp tác...), đồng thời phân tích đánh giá kỹ từng cơ hội để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả các dự án. Kết quả thực hiện cả năm, đơn vị đã hoàn thành thuê lại CHXD Tân Yên và đầu tư nhận chuyển nhượng CHXD Sơn Động đều thuộc địa bàn Tỉnh Bắc Giang, thuê lại CHXD Sơn Dương – Tuyên Quang, hoàn thành công tác đầu tư phát triển $\frac{3}{4}$ CHXD, đạt 75% kế hoạch.

Bên cạnh đó, đơn vị cũng luôn chú trọng triển khai tốt Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ tại các CHXD và được Tổng công ty đánh giá cao về chất lượng triển khai.

c. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư mua sắm

- Đơn vị đã xây dựng phương án và triển khai thi công cải tạo, sửa chữa một số CHXD trong hệ thống theo phê duyệt, góp phần nâng cao hình ảnh, mỹ quan và đặc biệt là sản lượng bán lẻ nhiều cửa hàng tăng mạnh sau khi cải tạo, sửa chữa (CHXD Hợp Tiến tăng 90%, Phù Lỗ tăng 24%, Hồ Sen tăng 8%...)

- Đơn vị đã hoàn thành đầu tư hệ thống đo bồn tự động Kho Bắc Giang, lắp đặt cột bơm mới cho một số CHXD trong hệ thống, đầu tư bổ sung 01 xe sitec 22m³ và 01 xe ô tô văn phòng; phối hợp với đối tác Vinfast hoàn thành việc lắp đặt hệ thống trạm sạc điện tại các CHXD được lựa chọn.

d. Về hoàn thiện thủ tục pháp lý CHXD

Đơn vị đã thực hiện công tác chuẩn bị hồ sơ để đăng ký tài sản trên đất CHXD tại Thái Nguyên, và phối hợp với Chi nhánh Hà Giang và các cơ quan chức năng thực hiện các thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản sang PVOIL Hà Nội.

4.3. Về công tác quản lý rủi ro và xử lý công nợ xấu

HDQT luôn chú trọng tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo việc quản lý rủi ro, xử lý nợ xấu và ngăn chặn nợ quá hạn phát sinh. Trong giai đoạn vừa qua, Công ty thường xuyên rà soát công nợ khách hàng bán buôn, bán lẻ có khả năng phát sinh rủi ro để kịp thời cảnh báo và có biện pháp phòng ngừa phù hợp, công nợ phải thu, công nợ phải trả đều đảm bảo đúng hạn mức phê duyệt và được Tổng công ty đánh giá cao.

4.4. Về công tác quản trị doanh nghiệp

Năm 2022, HDQT đã tập trung chỉ đạo tốt công tác quản trị tại đơn vị, kết quả thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- HDQT đã phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2022 của PVOIL Hà Nội, đồng thời chỉ đạo Ban điều hành triển khai giao kế hoạch đến từng đơn vị gắn liền với việc kiểm tra, giám sát nhằm hoàn thành tốt nhất chỉ tiêu, kế hoạch của toàn đơn vị.

- Đối với lĩnh vực công tác cán bộ, HĐQT tuân thủ đúng quy chế phối hợp với Đảng, quy chế phân cấp trong quản lý cán bộ, thực hiện rà soát đánh giá các cán bộ trong phạm vi phân cấp quản lý của HĐQT. HĐQT đã phê duyệt kế hoạch định biên lao động năm 2022 và ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của đơn vị. Trình ĐHĐCĐ kiện toàn nhân sự HĐQT (bầu bổ sung thành viên HĐQT mới thay thế thành viên xin chuyển công tác theo nguyện vọng cá nhân) và báo cáo xin ý kiến Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP kiện toàn nhân sự Ban điều hành đảm bảo kịp thời đáp ứng yêu cầu công tác quản lý của đơn vị (bổ nhiệm mới 01 Phó Giám đốc Công ty).

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung các văn bản quản lý trong quá trình hoạt động để phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD.

- Chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị tốt công tác hậu cần, tài liệu nghị sự tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và các Hội nghị sơ kết, tổng kết của đơn vị.

- Chỉ đạo Ban điều hành quyết toán quỹ tiền lương của cán bộ quản lý và Người lao động PVOIL Hà Nội năm 2021; xây dựng đơn giá tiền lương, quỹ lương của cán bộ quản lý và Người lao động năm 2022.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt công tác quản lý nội vụ văn phòng, phối hợp với các tổ chức đoàn thể tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm của Người lao động.

4.5. Về công tác tái cấu trúc doanh nghiệp

Kể từ ngày 01/01/2022, PVOIL Hà Nội hoạt động theo mô hình mới sau sáp nhập với chi nhánh Hà Giang, bộ máy nhân sự tăng lên 408 người trên toàn hệ thống và đơn vị triển khai 02 giai đoạn sau sáp nhập gồm:

+ Giai đoạn 1 sau sáp nhập (từ 01/01/2022 – 30/6/2022), Công ty thực hiện giữ nguyên cơ cấu tổ chức và bảo lưu tiền lương/thu nhập cho CBCNV.

+ Giai đoạn 2 (từ 30/6/2022 – 31/12/2022), rà soát, sắp xếp lại bộ máy tổ chức và nhân sự của chi nhánh Hà Giang đảm bảo tinh giản, gọn nhẹ và hiệu quả tối ưu.

Đến nay, hoạt động SXKD của toàn Công ty sau sáp nhập luôn đảm bảo thông suốt, ổn định tư tưởng, tinh thần Người lao động, tính đoàn kết, gắn bó nội bộ được củng cố và nâng cao.

4.6. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đạt được những kết quả tích cực nhất định, song hoạt động SXKD năm 2022 của PVOIL Hà Nội cũng còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

a. Công tác kinh doanh

Sản lượng kinh doanh dầu mỡ nhờn còn hạn chế, lũy kế thực hiện cả năm chỉ đạt 60,3% kế hoạch được giao cả năm.

b. Công tác đầu tư

Do thủ tục hành chính về đất đai trình tự phức tạp, mất nhiều thời gian nên công tác đăng ký tài sản trên đất, chuyển quyền sở hữu, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một số CHXD chưa hoàn thành.

4.7. Về phân chia lợi nhuận năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022		10.833.231.306
2	Các khoản chi trả từ lợi nhuận sau thuế năm 2022		401.784.000
-	Chi trả khoản hợp tác đầu tư với BCH Quân sự tỉnh Quảng Ninh		233.784.000
-	Chi thù lao cho HĐQT/BKS không chuyên trách năm 2022		168.000.000
3=1-2	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 trước khi trích lập các quỹ		10.431.447.306
4	Trích lập quỹ	40,0%	4.172.578.922
-	Quỹ khen thưởng		
-	Quỹ thưởng cán bộ quản lý (bằng 1,5 tháng lương thực hiện)	6,9%	716.040.000
-	Quỹ phúc lợi	33,1%	3.456.538.922
-	Quỹ đầu tư phát triển		
5=3-4	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 còn lại sau trích quỹ		6.258.868.384
6	Lợi nhuận năm 2021 còn để lại		253.459.324
7	Chia cổ tức	2,0%	5.291.282.000
8	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 còn lại sau khi chia cổ tức (8=5+6-7)		1.221.045.708

Ghi chú: Đơn vị đề xuất mức trích quỹ 40% LNST đúng như Nghị Quyết 929/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022 cho toàn bộ phần Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi là 4.172.578.922 đồng (trong đó Quỹ Khen thưởng Ban điều hành = 716.400.000 đồng, Quỹ KTPL = 3.456.538.922 đồng).

PHẦN II ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA HĐQT

I. Dự báo đặc điểm tình hình năm 2023

Theo dự báo, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng năng lượng, lạm phát tăng cao, kinh tế thế giới năm đến cuối năm 2022 tăng trưởng khoảng 3,2%, và khoảng 2,7% năm 2023. Đối với dầu thô, giá dầu phụ thuộc vào sự tương tác giữa cung và cầu đối với dầu trên thị trường quốc tế, các yếu tố quan trọng nhất từ ảnh hưởng từ cuộc chiến Nga – Ukraina, nguồn cung của OPEC và các nước xuất khẩu dầu và mức độ phục hồi kinh tế của các nước.

Đối với tình hình trong nước, trên cơ sở thực hiện năm 2022 đạt khoảng 8% là nền tảng tăng trưởng cao và dự báo bối cảnh thế giới, trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, tác động đến nền kinh tế nước ta, sức ép lạm phát, suy giảm tăng trưởng và suy thoái kinh tế ở một số nước, dự kiến mức tăng trưởng GDP năm 2023 đạt khoảng 6,5%.

Tình hình thị trường xăng dầu trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, bất thường, khó dự đoán, cạnh tranh giữa các đầu mối xăng dầu sẽ ngày càng gay gắt, quyết liệt khi xuất hiện nhiều đầu mối xăng dầu mới có tiềm lực mạnh. Trước bối cảnh đó, Hội đồng quản trị nhận định trong năm 2023, bên cạnh những thuận lợi như đơn vị

đã nỗ lực phát triển khách hàng, gia tăng sản lượng và hiệu quả tạo nền tảng cho hoạt động SXKD của năm 2023 thì đơn vị cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức như nguồn lực nội tại hạn chế, quy mô nguồn nhân lực lớn và thị trường phân công hầu hết nằm xa kho dầu nguồn.

Trên cơ sở nhận định tình hình, để vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch năm 2023, HĐQT Công ty định hướng kế hoạch hoạt động với các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023 như sau:

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, hỗ trợ và giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, công tác phối hợp giữa các thành viên HĐQT. Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023.

2. Nâng cao chất lượng phối hợp 3 bên giữa Đảng ủy – HĐQT – Ban điều hành nhằm phát huy tối đa sức mạnh tập thể, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong mọi hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo; giải quyết nhanh chóng, kịp thời mọi đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất phát triển hoạt động SXKD của đơn vị.

3. Tiếp tục duy trì việc tổ chức định kỳ các cuộc họp HĐQT, tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban tháng/quý với Ban điều hành, kịp thời giám sát, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và xây dựng các giải pháp định hướng, chỉ đạo Ban điều hành nâng cao hiệu quả SXKD nhằm hoàn thành tốt nhất mọi chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2023.

4. Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nâng cao tính chủ động, trách nhiệm, chất lượng quản lý và điều hành, tập trung mọi nguồn lực nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD toàn đơn, cụ thể như sau:

- Đối với công tác kinh doanh:

+ Xây dựng chính sách bán hàng của đơn vị phù hợp với chính sách chung của Tổng công ty và tình hình kinh doanh của đơn vị để đảm bảo kinh doanh an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định của Tổng công ty, của Nhà nước về kinh doanh xăng dầu.

+ Tổ chức kinh doanh xăng dầu theo địa bàn được phân công, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Tổng công ty giao. Giữ ổn định thị phần và duy trì tốc độ phát triển sản lượng phù hợp với tăng trưởng chung của thị trường được phân công.

+ Đảm bảo ổn định sản lượng tiêu thụ, kinh doanh có hiệu quả và an toàn về vốn, sản lượng xăng dầu kế hoạch năm 2023 là 405.000 m³, trong đó nguồn hàng của TCT từ 95% -100%; tập trung phát triển các vùng thị trường được phân công theo hướng hiệu quả bền vững, đặc biệt là các vùng thị trường của Chi nhánh Hà Giang; tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối trong đó gia tăng tỷ trọng tiêu thụ trực tiếp với mục tiêu tỷ trọng bán lẻ và bán kênh khách hàng công nghiệp trên 45%; tích cực triển khai hoạt động bán hàng qua chương trình PVOIL Easy trong năm 2023, phấn đấu đạt kế hoạch sản lượng Tổng công ty giao (27.850 m³).

+ Nâng cao sản lượng kinh doanh tại các chi nhánh, đồng thời khai thác tối đa hiệu quả kho xăng dầu Bắc Giang và hệ thống phương tiện vận tải xăng dầu nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng, tăng tính cạnh tranh và tiết giảm chi phí.

+ Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh dịch vụ phụ trợ tại các CHXD trực thuộc, đặc biệt chú trọng công tác chuẩn hóa và chuyên nghiệp trong quản lý và vận hành chuỗi Cửa hàng tiện ích PVMART, sẵn sàng cho kế hoạch lan tỏa rộng hơn nữa.

+ Giao kế hoạch SXKD năm 2023 của PVOIL Hà Nội với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2022	TH 2022		KH 2023
				Giá trị	%TH/KH	
1	Sản lượng xăng dầu	M ³	351.500	451.913	128,6%	405.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	3.698	9.420	254,7%	6.141,2
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,6	16,18	128,4%	14,0

- Đối với công tác quản trị doanh nghiệp:

+ Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý của Công ty từ khối văn phòng đến các chi nhánh và CHXD trực thuộc, đặc biệt là bộ máy của chi nhánh Hà Giang.

+ Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác quản lý toàn diện mọi mặt hoạt động của các CHXD trực thuộc và Kho xăng dầu, thực hiện nghiêm túc các tiêu chí của Đề án 1114 về nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tại các CHXD và Đề án 808 về đánh giá chất lượng dịch vụ Kho xăng dầu, nâng cao chất lượng phối hợp giữa các phòng chức năng và chi nhánh trong kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi sai phạm phát sinh tại khối CHXD và Kho xăng dầu.

+ Nâng cao chất lượng công tác đào tạo và phát triển đội ngũ nguồn nhân lực, đẩy mạnh việc khoán lương và phân phối quỹ lương, quỹ thưởng theo kết quả thực hiện.

+ Liên tục rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quản lý nội bộ cho phù hợp với thực tiễn và phục vụ tốt nhất hoạt động quản lý điều hành tại đơn vị.

+ Ứng dụng hiệu quả hệ thống Công nghệ thông tin đã được nâng cấp vào hoạt động quản lý, kinh doanh của đơn vị, đồng thời tiếp tục xây dựng phương án ứng dụng CNTT trong công tác quản lý lao động và tiền lương.

+ Xây dựng các phương án huy động và sử dụng vốn cho đầu tư và kinh doanh tối ưu nhất, đồng thời tăng cường các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị trong năm 2023.

+ Nâng cao chất lượng báo cáo, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản trị và công tác xây dựng kế hoạch sát với thực tế.

+ Tiếp tục duy trì xây dựng hình ảnh thương hiệu PVOIL thông qua triển khai thực hiện quy ước văn hóa và tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

- Đối với công tác quản trị rủi ro: Tuyệt đối không để phát sinh nợ xấu trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Nâng cao chất lượng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và giám sát hoạt động kinh doanh tại các CHXD và Kho xăng dầu trong toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động của các cửa hàng và Kho an toàn, hiệu quả.

- Đối với công tác đầu tư, phát triển hệ thống:

+ Tập trung toàn lực cho công tác phát triển hệ thống CHXD dưới nhiều hình thức với mục tiêu đầu tư phát triển mới ít nhất 04 CHXD, trong đó hoàn thành đầu tư và đưa vào vận hành CHXD Thanh Thủy, Phú Linh tại địa bàn Tỉnh Hà Giang và đầu tư mới 2 CHXD tại các vùng thị trường trọng điểm là Hà Nội và các tỉnh lân cận, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của dự án

+ Triển khai một số dự án sửa chữa các CHXD trong hệ thống như CHXD Hợp Minh, Diên Châu, Phù Lỗ, Minh Khai.... nhằm đảm bảo mỹ quan, an toàn PCCC và góp phần nâng cao sản lượng bán lẻ.

+ Xây dựng nhà văn phòng tại CHXD Mai Lâm.

+ Thực hiện nâng cấp, mở rộng Kho xăng dầu Bắc Giang thêm 1.000 m³ và đầu tư mua sắm cột bơm Tatsuno thay thế cho các CHXD trong hệ thống có sản lượng lớn.

+ Thường xuyên tiến hành rà soát, kiểm tra, duy tu trang thiết bị, cơ sở vật chất, đảm bảo an toàn PCCC, đáp ứng yêu cầu theo đề án 1114 và 808, phục vụ tốt nhất kinh doanh tại kho xăng dầu và hệ thống CHXD.

+ Bám sát các cơ quan chức năng để hoàn thiện dứt điểm công tác xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho CHXD Đông Mỹ và khu đất tại CHXD Thái Thịnh.

Trong bối cảnh hoạt động kinh doanh khó khăn, Công ty quyết tâm đảm bảo giữ vững ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, hài hòa lợi ích của các cổ đông với mục tiêu phát triển Công ty an toàn - hiệu quả.

Trước những khó khăn, thách thức trong năm 2023, để hoàn thành kế hoạch được giao, HĐQT đề nghị tập thể người lao động Công ty hết sức nỗ lực, đoàn kết, thống nhất và phát huy sáng kiến phần đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 và các nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông đặt ra, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho tập thể người lao động và đem lại giá trị gia tăng cho các cổ đông của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Hà Nội. Rất mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.LTH.01b.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Hoài Lam

Số: 531/BC-BKS

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO
Về việc hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022
và kế hoạch hoạt động năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội,

Ban kiểm soát PVOIL Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2022, tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên và kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

PHẦN 1
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT
QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

I. Tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên năm 2022

1. Cơ cấu tổ chức, tiền lương, thù lao

Ban kiểm soát của PVOIL Hà Nội gồm 3 thành viên:

- | | |
|--------------------------|--------------|
| 1. Ông Vũ Văn Nghị | - Trưởng ban |
| 2. Ông Đặng Tùng Sơn | - Thành viên |
| 3. Bà Trần Thị Bích Ngọc | - Thành viên |

Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 Kiểm soát viên hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm. Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty, các Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhận thù lao theo mức được HĐQT phê duyệt hằng năm.



2. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2022, được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty; Ban Kiểm soát Công ty đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của Ban, cụ thể là:

- Kiểm soát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty; kiểm soát tính tuân thủ các quy định của Nhà nước; quy định, quy chế nội bộ của Công ty tại các Phòng/Chi nhánh thuộc, các CHXD, Kho trực thuộc Công ty;

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty;

- Ban Kiểm soát Công ty đã triển khai thực hiện các công việc theo đúng kế hoạch đã trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

- Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty về công tác quản trị và điều hành Công ty. Đề xuất, kiến nghị với Ban điều hành các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trong công tác quản lý tài chính, quản lý hàng hóa...

- Thảo luận với Công ty TNHH Kiểm toán An Việt để thống nhất kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số. Các báo cáo về kết quả giám sát, kiểm tra hoạt động Công ty và các kiến nghị của BKS đối với HĐQT và Ban Điều hành đều được các thành viên BKS trao đổi, thảo luận và thống nhất.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của BKS được qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thông qua, Trưởng BKS đã phân công nhiệm vụ cho mỗi kiểm soát viên để đảm bảo hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát tự đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể:

3.1. Ông Vũ Văn Nghị - Trưởng Ban Kiểm soát

- Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Quy chế, quy định, chỉ thị của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính hàng Quý/năm.

- Thực hiện giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thực hiện chính sách bán hàng, công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý hàng

hóa đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nhà nước, Tổng công ty và Công ty, phát hiện và cảnh báo các rủi ro tiềm ẩn.

3.2. Ông Đặng Tùng Sơn và bà Trần Thị Bích Ngọc – Kiểm soát viên

- Phối hợp Trưởng ban kiểm soát trong việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, Quy chế, quy định.

- Phối hợp Trưởng ban kiểm soát giám sát tình hình thực hiện chính sách bán hàng, công tác tài chính kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản.

- Tham gia đóng góp ý kiến, kiến nghị tới Hội đồng quản trị, Ban giám đốc thông qua Trưởng ban kiểm soát.

II. Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2022 của Ban kiểm soát

1. Đối với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc

1.1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị

- HĐQT định hướng phát triển Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết, quyết định về chủ trương chính sách về các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng thời điểm, từng giai đoạn. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT tuân thủ các nội dung Nghị quyết của ĐHCĐ, đúng thẩm quyền theo Điều lệ công ty, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Trong năm, HĐQT đã ban hành và sửa đổi bổ sung các Quy chế, Quy định cho phù hợp với yêu cầu và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh. Nội dung các quy chế, quy định do HĐQT ban hành là cụ thể hóa các quy định của Nhà nước theo điều kiện thực tế và đặc thù của đơn vị, tạo hành lang pháp lý cho các lĩnh vực và hoạt động của Công ty.

- HĐQT định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT tại các cuộc họp giao ban hàng tháng/quý của Công ty.

- HĐQT giám sát hoạt động của Công ty thông qua công tác kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ thực hiện của Ban điều hành đối với Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy chế, quy định của Công ty.

1.2. Công tác điều hành của Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm theo Nghị quyết của ĐHCĐ, tuân thủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, tuân thủ các quy định của Nhà nước, quy chế, quy định của Tổng công ty và Công ty.

- Ban Giám đốc thực hiện công tác điều hành theo đúng thẩm quyền và phân cấp, tuân thủ quy chế điều hành và quy chế phối hợp HĐQT - Giám đốc.

- Trong năm 2022, Giám đốc Công ty đã xây dựng và ban hành sửa đổi bổ sung các quy định, quy trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời sửa đổi bổ sung một số các quy định quy trình cho phù hợp điều kiện thực tế hoạt động sản xuất

kinh doanh, phù hợp với yêu cầu quản lý và điều hành công ty, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành ổn định và an toàn.

- Hoạt động điều hành của Ban Giám đốc luôn bám sát các mục tiêu, kế hoạch được phê duyệt, linh hoạt trong chỉ đạo điều hành để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

2.1. Các chỉ tiêu sản lượng bán hàng

ĐVT: nghìn m³/tấn

STT	Kênh BH	ĐVT	KH 2022		TH 2022		TH/ KH 2022
			Sản lượng	Tỷ trọng	Sản lượng	Tỷ trọng	
1	TNPP/TNNQ/ĐL	m ³ /tấn	160.000	45,5%	238.124	52,7%	148,8%
2	KHCN và mua bán	m ³ /tấn	98.000	27,9%	113.887	25,2%	116,2%
3	CHXD	m ³ /tấn	93.500	26,6%	99.902	22,1%	106,8%
Tổng cộng		m³/tấn	351.500	100,0%	451.913	100,0%	128,6%

(Sản lượng trên không bao gồm sản lượng dầu mỡ nhờn)

2.2. Các chỉ tiêu tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
- Doanh thu	3.698	9.420	254,7%
- Chi phí hoạt động	176,2	245,98	139,6%
- Chi phí hoạt động bình quân đồng/lít	501	544	108,6%
- Lợi nhuận trước thuế	12,6	16,18	128,4%
- Tỷ suất LNTT/Vốn ĐL	4,76%	6,12%	128,4%

3. Tình hình thực hiện đầu tư

3.1. Đầu tư phát triển hệ thống CHXD

Trong năm 2022, Công ty đã tích cực đi khảo sát các cơ hội đầu tư tại Hòa Bình, Bắc Giang, Hải Dương, Lào Cai, Nghệ An, Quảng Ninh... Hoàn thành đầu tư nhận chuyển nhượng CHXD Sơn Động (nhận chuyển nhượng lại trị giá 6,48 tỷ, và sửa chữa nâng cấp 1,44 tỷ đồng) thuê lại CHXD Tân Yên - Bắc Giang (0,99 tỷ đồng/ 2,5 năm); và thuê lại của TCT Dầu Việt Nam CHXD Sơn Dương - Tuyên Quang qua đó đạt 75% kế hoạch năm. Hiện 02 (CHXD Thanh Thủy và Phú Linh) đang thực hiện đầu tư và sẽ hoàn thành trong năm 2023.

3.2. Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa CHXD

- Hoàn thành thanh quyết toán sửa chữa CHXD Hợp Tiến, Cẩm Khê.
- Hoàn thành thi công sửa chữa và đưa vào vận hành CHXD Sơn Động, Bắc Giang.

- Hoàn thành sửa chữa, cải tạo nâng cấp lớn CHXD Lập Thạch, Liên Ninh.
- Thực hiện việc mở rộng và nâng cấp CHXD Hợp Minh phù hợp với quy hoạch mới sau khi được HĐQT phê duyệt.
- Đối với sửa chữa, cải tạo 05 CH thuê lại của TCT (An Hải, Mai Lâm, Tân Thịnh, Nam Thành, Mỹ Thuận): phối hợp với TCT trong quá trình thực hiện việc cải tạo, sửa chữa; đẩy nhanh tiến độ thực hiện.
- Phối hợp TCT hoàn thiện nhận dạng thương hiệu 19 CHXD trong năm 2022.
- Lên phương án cải tạo, sửa chữa và thực hiện nâng cấp một số CHXD, đảm bảo mỹ quan, phục vụ tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của các cửa hàng và quảng bá hình ảnh thương hiệu PVOIL trên thị trường.

3.3. Công tác mua sắm máy móc, trang thiết bị

- Hoàn thành đầu tư, lắp đặt và đưa vào vận hành hệ thống đo bồn tự động đảm bảo công tác an toàn theo phương án của đơn vị cung cấp;
- Hoàn thành đầu tư thay thế cột bơm CHXD Xuân Giao, Liên Ninh và Lập Thạch.
- Thực hiện việc rà soát và đánh giá hiện trạng hệ thống cột bơm của các CHXD để tiến hành đầu tư bổ sung cột bơm, đảm bảo yêu cầu kinh doanh (ưu tiên các CHXD có sản lượng lớn, kinh doanh hiệu quả). Xây dựng phương án triển khai hiện đại hóa cột bơm trên toàn hệ thống.
- Hoàn thành đầu tư mua thêm 01 xe xitec 22 m³ và đưa phải vận hành.
- Hoàn thành đầu tư thêm 01 xe văn phòng phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Phối hợp với đối tác Vinfast hoàn thành việc lắp đặt hệ thống trạm sạc điện tại các CHXD đối tác Vinfast lựa chọn trong năm 2022.

3.4. Công tác hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý các CHXD

- Công ty tiếp tục làm việc với các sở ban ngành trong việc hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 Cửa hàng xăng dầu (CHXD Thái Thịnh, CHXD Đông Mỹ), tuy nhiên do thủ tục hành chính của các cơ quan chức năng rườm rà và pháp lý hồ sơ các tài sản phức tạp nên chưa hoàn thành kế hoạch được giao.
- Công ty thực đang hiện công tác chuẩn bị hồ sơ để đăng ký tài sản trên đất các CHXD tại Thái Nguyên, phối hợp với Chi nhánh Hà Giang và các cơ quan chức năng thực hiện các thủ tục chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản sau sáp nhập sang PVOIL Hà Nội.

4. Công tác tổ chức quản lý

- Công ty đi vào hoạt động theo mô hình mới (sáp nhập PVOIL Hà Giang vào PVOIL Hà Nội) kể từ ngày 01/01/2022 với hệ thống tổ chức hoạt động gồm Văn phòng Công ty và 17 Chi nhánh trực thuộc tại các tỉnh thành. Bộ máy của các Chi nhánh chủ yếu do cán bộ khối Văn phòng Công ty kiêm nhiệm để không tăng nhân sự, tiết kiệm chi phí, tại một số thị trường tiềm năng thì có Giám đốc chi nhánh và cán bộ

kinh doanh chuyên trách để khai thác mở rộng thị trường (Đông Hà Nội, Hòa Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Giang).

- Triển khai các giải pháp nhằm củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả quản lý, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, xây dựng quy trình nghiệp vụ đồng thời bổ sung, nâng cấp các giải pháp công nghệ thông tin vào trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty để nâng cao hiệu quả công việc.

- Công ty đã xây dựng và ban hành được hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Công ty, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh, nâng cao hiệu quả và an toàn trong quản lý sử dụng vốn và tài sản của Công ty.

- Công ty thường xuyên tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung và xây dựng mới các quy chế, quy định phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý.

- Công ty đã thành lập đoàn kiểm tra nội bộ định kỳ, đột xuất để thực hiện kiểm tra hoạt động của các Chi nhánh/CHXD/Kho.

5. Công tác quản lý tài chính

- Công ty kiểm soát tốt việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản; tuân thủ các quy định của Công ty và Tổng công ty về quản lý tài chính.

- Công ty đã ban hành QĐ số 1281/QĐ-XDHN ngày 08/06/2020 về việc “Quy định về bán hàng và quản lý công nợ” và QĐ số 3139/QĐ-XDHN ngày 29/12/2020 và 2769/QĐ-XDHN ngày 14/09/2022 về việc thành lập Hội đồng xét quyết và Tổ giúp việc “Công tác bán hàng và quản lý nợ tín chấp”. Công ty đã thực nghiêm túc việc thẩm định và cấp hạn mức nợ có bảo lãnh ngân hàng và nợ tín chấp năm 2022 cho khách hàng (cả về thời gian và giá trị) trước khi bán hàng, không để phát sinh khoản nợ xấu nào trong năm 2022. Nợ xấu tại thời điểm 31/12/2022 là 4.098.932.351 đồng (nhận từ PVOIL Hà Giang là 2.722.492.353 đồng) và đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 3.254.929.177 đồng.

- Công ty thực hiện tốt việc quản trị nguồn vốn và dòng tiền, không bị chiếm dụng vốn.

6. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban Giám đốc

- Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành nên nắm bắt được kịp thời và đầy đủ mọi thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cung cấp đầy đủ các tài liệu, văn bản liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận và nắm bắt được tất cả các hoạt động của Công ty.

III. Kiến nghị

1. Hoạt động quản lý, điều hành

HDQT và Ban Giám đốc phối hợp tốt, tuân thủ quy chế về Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, quy chế làm việc và phối hợp giữa HDQT - Giám đốc, quy chế phân cấp đầu tư của Công ty, đạt được những hiệu quả tích cực. Đề nghị HDQT - Ban Giám đốc tiếp tục phát huy tinh thần cởi mở, tích cực trong công tác phối hợp, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong quản lý và điều hành Công ty.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đề nghị HDQT – Ban Giám đốc Công ty tập trung nguồn lực phát triển hệ thống CHXD bằng nhiều hình thức. Áp dụng các biện pháp, chính sách dài hạn, ngắn hạn để gia tăng sản lượng tại các CHXD hiện hữu (nâng cấp sửa chữa, chính sách giá, công nợ, ...), đồng thời tiết giảm chi phí góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.;

- Tiếp tục thực hiện các chính sách để chuyển dịch cơ cấu khách hàng theo hướng giảm phụ thuộc vào nhóm khách hàng trung gian (TNPP/TNNQBL/TĐL); đẩy mạnh phát triển hệ thống KHCN/ Khách hàng tiêu thụ trực tiếp/CHXD;

- Khảo sát đánh giá nhu cầu tiêu thụ hàng hóa và năng lực tài chính của khách hàng để phê duyệt chính sách giá, hình thức thanh toán cụ thể và phù hợp. Tổ chức đánh giá sản lượng thực hiện thực tế của từng khách hàng, điều chỉnh hạn mức công nợ phù hợp với sản lượng thực tế;

- Phối hợp chặt chẽ với các công ty trực thuộc PVOIL để thống nhất chính sách bán hàng, hạn chế tối đa việc cạnh tranh nội bộ gây thiệt hại không đáng có trong kinh doanh.

3. Hoạt động đầu tư, phát triển hệ thống

- Đa dạng hóa các hình thức phát triển hệ thống CHXD: mua, thuê, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh... để tăng số lượng CHXD, nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Công ty tập trung sớm hoàn tất các hồ sơ thủ tục pháp lý để giảm thiểu rủi ro phát sinh liên quan đến quyền sở hữu đất và tài sản/công trình trên đất.

4. Công tác tổ chức

- Đề nghị thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện các quy định, quy trình, quy chế của Công ty, sửa đổi bổ sung đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý và kinh doanh xăng dầu;

- Tổ chức bộ phận tiếp nhận phản hồi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả, việc thực hiện của các quy chế, quy định, quy trình để có những sửa đổi bổ sung hoặc điều chỉnh cho phù hợp.

5. Công tác quản lý tài chính

- Tăng cường kiểm soát đối với công tác quản lý nợ phải thu, đảm bảo không phát sinh nợ vượt hạn mức và nợ vượt thời gian.

- Công ty cần duy trì liên tục ký đối chiếu xác nhận công nợ, soát xét hoàn thiện đầy đủ hồ sơ tài liệu đối với từng khách hàng có nợ phải thu khó để làm cơ sở trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo qui định hiện hành và khởi kiện (nếu có).

- Sử dụng dòng tiền của Công ty linh hoạt và hiệu quả hơn nữa.

PHẦN 2
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Nội dung	Thời gian	Đơn vị phối hợp
I. Giám sát hoạt động quản lý và điều hành		
- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc tuân thủ các quy trình quy chế của Công ty, Tổng công ty và các quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc chấp hành của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
- Giám sát việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện các quyết định, ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị	Thường xuyên	HĐQT, Ban GD
II. Giám sát hoạt động đầu tư phát triển hệ thống		
- Giám sát công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng mới CHXD. Giám sát tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác, giám sát quyết toán từng công trình	Theo tiến độ thực tế	Phòng KHĐT
- Giám sát việc tổ chức thẩm định giá, đàm phán giá chuyển nhượng, giám sát thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khi mua lại các CHXD	Theo tiến độ thực tế	Phòng KHĐT
III. Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh		
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được HĐQT phê duyệt	Hàng tuần, hàng tháng	Phòng KDXD, KDTH
- Giám sát việc tuân thủ quy chế bán hàng của Tổng công ty, quy chế quản lý hàng hóa tại kho và cửa hàng xăng dầu	Các tháng cuối quý	Phòng KDXD, KDTH
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế khoán đối với các cửa hàng xăng dầu và đội xe sitec vận chuyển xăng dầu.	Các tháng cuối quý	Phòng KDTH
- Thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý trình HĐQT xem xét.	Đầu quý sau quý báo cáo	Phòng KDXD, KDTH
IV. Giám sát công tác tài chính kế toán		
- Giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng vốn và tài sản của Công ty vào các hoạt động đầu tư, XD CB, mua sắm tài sản, sản xuất kinh doanh.	Thường xuyên	Phòng TCKT

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ thực hiện quy chế tài chính, quy chế quản lý tiền hàng công nợ của Công ty.	Các tháng cuối quý	Phòng TCKT
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý của Công ty trình HĐQT xem xét.	Đầu quý sau quý báo cáo	Phòng TCKT
- Kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, tình hình quản lý và sử dụng tài sản, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, việc chấp hành các quy chế quy định nội bộ của Công ty tại các chi nhánh và các cửa hàng xăng dầu trực thuộc.	Các tháng cuối quý	Phòng TCKT
- Xem xét các báo cáo kiểm toán của cơ quan kiểm toán độc lập.	Sau khi kiểm toán	Cộng ty Kiểm toán

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua báo cáo hoạt động, tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, các Kiểm soát viên năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (để b/c);
- HĐQT, Ban GD (để p/h t/h);
- Lưu: VT, BKS, VVN.01b.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Văn Nghị



Số: 532/XDHN-BC-BKS

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2023

**Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022
và tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (Công ty);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Kiểm toán An Việt ngày 10/02/2023 kiểm toán kết thúc năm tài chính 2022 (đính kèm);

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 và tờ trình phê duyệt đơn vị kiểm toán năm 2023 như sau:

I. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán

- Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam;

- Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động của Công ty từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022, biểu mẫu báo cáo thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 và hiệu lực từ 01/01/2015 thay thế cho Quyết định 15/BTC.

2. Tình hình tài sản và nguồn vốn năm 2022

ĐVT: đồng

TÀI SẢN	NGÀY 31/12/2022	NGÀY 31/12/2021
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	434.849.065.663	375.897.734.115
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	60.514.133.784	48.723.657.758
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.900.000.000	3.700.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	334.915.299.847	211.535.139.015
4. Hàng tồn kho	31.986.457.386	110.224.941.402
5. Tài sản ngắn hạn khác	3.533.174.646	1.713.995.940

II. TÀI SẢN DÀI HẠN	259.968.087.700	223.839.760.178
1. Tài sản cố định	142.871.600.359	127.312.359.014
2. Bất động sản đầu tư	10.484.925.740	
3. Tài sản dở dang dài hạn	10.006.227.189	3.590.300.008
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.833.184.640	3.525.193.776
5. Tài sản dài hạn khác	93.772.149.772	89.411.907.380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	694.817.153.363	599.737.494.293
NGUỒN VỐN		
I. NỢ PHẢI TRẢ	395.037.483.500	322.227.650.583
1. Nợ ngắn hạn	392.491.893.485	319.887.460.568
2. Nợ dài hạn	2.545.590.015	2.340.190.015
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	299.779.669.863	277.509.843.710
1. Vốn góp của chủ sở hữu	264.564.100.000	250.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	24.362.663.233	15.941.718.932
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.852.906.630	11.568.124.778
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	694.817.153.363	599.737.494.293

3. Tình hình kết quả kinh doanh năm 2022

ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.421.873.418.737	4.592.585.631.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.616.294.666	1.225.833.392
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.420.257.124.071	4.591.359.798.076
4. Giá vốn hàng bán	9.199.403.924.282	4.420.083.965.380
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	220.853.199.789	171.275.832.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	7.846.326.073	3.039.925.589
7. Chi phí tài chính	878.906.305	2.131.386.295
- Trong đó: Chi phí lãi vay	186.897.169	2.131.386.295
8. Chi phí bán hàng	181.090.632.377	132.906.899.452
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.885.319.522	46.907.930.689
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	(18.155.332.342)	(7.630.458.151)
11. Thu nhập khác	34.571.374.053	24.650.405.981
12. Chi phí khác	235.855.567	1.650.693.104
13. Lợi nhuận khác	34.335.518.486	22.999.712.877
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.180.186.144	15.369.254.726
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.346.954.838	4.835.877.956
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.833.231.306	10.533.376.770
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	409	421

4. Công tác quản lý tài chính, sổ sách, chứng từ

- Số liệu kế toán rõ ràng minh bạch phù hợp với pháp luật về kế toán.

- Thực hiện tốt các chế độ báo cáo thống kê, kê khai quyết toán thuế.

5. Kiến nghị

Ban Kiểm soát đồng ý với các ghi nhận của Công ty kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Kiểm toán An Việt đối với Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.

II. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có kinh nghiệm và uy tín về chất lượng kiểm toán.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán đề xuất

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
- Công ty kiểm toán khác (*đáp ứng tiêu thức lựa chọn*).

3. Kiến nghị

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn Công ty kiểm toán độc lập và giao cho Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét các BCTC năm 2023 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (để b/c);
- HĐQT, Ban GD (để p/h t/h);
- Lưu: VT, BKS, VVN.01b.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Vũ Văn Nghị

Số: 533 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2022 của PVOIL Hà Nội đã được Công ty TNHH An Việt kiểm toán ngày 14/02/2023 (đính kèm);

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị tại 31/12/2022 (đồng)
I	TỔNG TÀI SẢN	694.817.153.363
1	Tài sản ngắn hạn	434.849.065.663
	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	64.414.133.784
	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	333.508.508.307
	<i>Hàng tồn kho</i>	31.986.457.386
	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	4.939.966.186
2	Tài sản dài hạn	259.968.087.700
	<i>Tài sản cố định</i>	152.877.827.548
	<i>Bất động sản đầu tư</i>	10.484.925.740
	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	2.833.184.640
	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	93.772.149.772
II	NGUỒN VỐN	694.817.153.363
1	Nợ phải trả	395.037.483.500
	<i>Nợ ngắn hạn</i>	390.493.168.482
	<i>Nợ dài hạn</i>	4.544.315.018
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	299.779.669.863
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	264.564.100.000



	Quỹ đầu tư phát triển/khác	24.362.663.233
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.852.906.630
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.420.257.124.071
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2022	16.180.186.144
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	10.833.231.306
4	Lợi nhuận còn lại năm 2021 và các năm trước chuyển sang	11.231.506.707
5	Thanh toán tiền lợi nhuận năm 2022 theo HĐ Liên danh 1778/2011/XDHN-BCHQS-LD với BCH Quân Sự Tỉnh Quảng Ninh	233.784.000
6	Chia cổ tức từ LN chưa phân phối 2021	5.291.282.000
7	Trích các quỹ từ LNST 2021	5.686.765.383
8	Tổng lợi nhuận còn lại năm 2022 và 2021 (7=3+4-5-6-7)	10.852.906.630

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.LTH.01b.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Hoài Lam



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Hà Nội, tháng 02 năm 2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") lập và trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Hoài Lam	Chủ tịch
Ông Trần Mạnh Hà	Thành viên, Giám đốc
Ông Lưu Chí Nguyên	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/07/2022 do điều chuyển công tác theo Nghị quyết số 2086/NQ-ĐHĐCĐ)
Ông Hoàng Minh Thái	Thành viên
Ông Đỗ Khắc Cường	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 20/04/2022 theo Nghị quyết số 929/NQ-ĐHĐCĐ)
Ông Đào Xuân Hữu	Thành viên chuyên trách (Bổ nhiệm từ ngày 26/07/2022 theo Quyết định số 2152/QĐ-XDHN)
Ông Đào Đại Thắng	Phó Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 26/07/2022 theo Quyết định số 2158/QĐ-XDHN)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo



Trần Mạnh Hà
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Số: 09/2023/BCKT-AVI-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/02/2023, từ trang 05 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

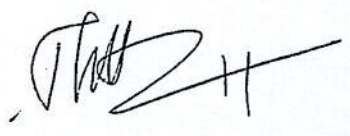
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Số Giấy CNĐKHNKT 0034-2023-055-1


Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHNKT 1396-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số 01 - DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		434.849.065.663	375.897.734.115
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	60.514.133.784	48.723.657.758
1. Tiền	111		60.514.133.784	48.723.657.758
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	3.900.000.000	3.700.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.900.000.000	3.700.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		334.915.299.847	211.535.139.015
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	332.213.046.880	209.094.379.525
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.923.207.359	663.356.043
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.033.974.785	1.777.403.447
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.254.929.177)	-
III. Hàng tồn kho	140	12	31.986.457.386	110.224.941.402
1. Hàng tồn kho	141		33.378.594.487	110.224.941.402
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.392.137.101)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.533.174.646	1.713.995.940
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	3.505.770.923	1.632.574.787
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	19	27.403.723	81.421.153
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		259.968.087.700	223.839.760.178
I. Tài sản cố định	220		142.871.600.359	127.312.359.014
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	106.028.997.379	94.880.483.673
- Nguyên giá	222		224.312.748.492	191.113.656.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.283.751.113)	(96.233.172.926)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	36.842.602.980	32.431.875.341
- Nguyên giá	228		47.835.510.124	42.376.003.357
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.992.907.144)	(9.944.128.016)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	10.484.925.740	-
- Nguyên giá	231		12.857.699.499	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.372.773.759)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	10.006.227.189	3.590.300.008
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.006.227.189	3.590.300.008
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	2.833.184.640	3.525.193.776
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.954.128.000	7.954.128.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.120.943.360)	(4.428.934.224)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		93.772.149.772	89.411.907.380
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	93.772.149.772	89.411.907.380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		694.817.153.363	599.737.494.293

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang số 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số 01 - DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		395.037.483.500	322.227.650.583
I. Nợ ngắn hạn	310		392.491.893.485	319.887.460.568
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	261.506.079.266	147.083.763.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.263.902.097	15.134.503.411
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	37.596.024.997	98.764.188.578
4. Phải trả người lao động	314		25.937.142.744	22.753.253.817
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		984.831.189	826.042.637
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.998.725.003	670.702.425
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	54.127.097.777	33.825.407.022
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.078.090.412	829.598.729
II. Nợ dài hạn	330		2.545.590.015	2.340.190.015
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	2.545.590.015	2.340.190.015
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	20	299.779.669.863	277.509.843.710
I. Vốn chủ sở hữu	410		299.779.669.863	277.509.843.710
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		264.564.100.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		264.564.100.000	250.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.362.663.233	15.941.718.932
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.852.906.630	11.568.124.778
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		253.459.324	1.389.846.008
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.599.447.306	10.178.278.770
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		694.817.153.363	599.737.494.293

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Thu Trang


 Lê Đức Dân



Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang số 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số 02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	9.421.873.418.737	4.592.585.631.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.616.294.666	1.225.833.392
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9.420.257.124.071	4.591.359.798.076
4. Giá vốn hàng bán	11	23	9.199.403.924.282	4.420.083.965.380
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		220.853.199.789	171.275.832.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7.846.326.073	3.039.925.589
7. Chi phí tài chính	22		878.906.305	2.131.386.295
8. Trong đó: Chi phí lãi vay	23		186.897.169	2.131.386.295
9. Chi phí bán hàng	25	24	181.090.632.377	132.906.899.452
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	64.885.319.522	46.907.930.689
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.155.332.342)	(7.630.458.151)
12. Thu nhập khác	31	27	34.571.374.053	24.650.405.981
13. Chi phí khác	32		235.855.567	1.650.693.104
14. Lợi nhuận khác	40		34.335.518.486	22.999.712.877
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		16.180.186.144	15.369.254.726
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	5.346.954.838	4.835.877.956
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.833.231.306	10.533.376.770
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	409	194

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Trang


Lê Đức Dân



Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang số 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số 03 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.180.186.144	15.369.254.726
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14.837.191.606	13.361.330.092
- Các khoản dự phòng	03	3.956.675.847	2.683.424.095
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(288.045.185)	1.547.177.258
- Chi phí lãi vay	06	186.897.169	262.513.255
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	34.872.905.581	33.223.699.426
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(125.198.673.012)	(43.415.580.328)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	76.846.346.915	(23.047.491.729)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	72.501.280.712	63.726.613.719
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.233.438.528)	5.373.474.823
- Tiền lãi vay đã trả	13	(186.897.169)	(262.513.255)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.215.186.197)	(4.905.605.899)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.438.273.700)	(1.757.063.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.948.064.602	28.935.533.007
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.954.351.761)	(18.082.239.029)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	22.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000)	(3.700.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	288.045.185	79.122.631
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.866.306.576)	(21.680.389.125)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	313.767.000.000	125.362.100.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(313.767.000.000)	(135.287.100.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.291.282.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.291.282.000)	(9.925.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.790.476.026	(2.669.856.118)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.723.657.758	51.393.513.876
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	60.514.133.784	48.723.657.758

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Trang


Lê Đức Dân



Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang số 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0105029292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/12/2010. Đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 29/12/2021. Tên giao dịch Quốc tế của Công ty là PETROVIETNAM OIL HANOI JOINT STOCK COMPANY viết tắt là PVOIL HANOI.

Ngày 01/01/2022, Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang thực hiện sáp nhập vào Công ty theo Hợp đồng sáp nhập công ty số 99/PVOILHN - PVOILHG/10 -21/K ngày 25/10/2021 để trở thành Chi nhánh của Công ty tại Hà Giang và Biên bản bàn giao tài sản ngày 01/01/2022. Giá gốc của tài sản tương ứng với nguồn vốn của Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu dầu khí Hà Giang tại thời điểm sáp nhập là 47.762.795.269 đồng,

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 264.564.100.000 đồng.

Trong đó,

- Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP góp 190.071.070.000 đồng, chiếm 71,84% vốn điều lệ;
- Ngân hàng Thương mại TNHH Đại Dương góp 27.500.000.000 đồng chiếm 10,39% vốn điều lệ
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á góp 7.500.000.000 đồng chiếm 2,83% vốn điều lệ
- Các cổ đông khác góp 39.493.030.000 đồng chiếm 14,93 % vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại số 194 Phố Thái Thịnh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 416 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 356 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, đường thủy, bến cảng, các hệ thống bồn chứa xăng dầu và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê, đường hầm, công trình thể thao ngoài trời;
- Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy;
- Môi giới và xúc tiến thương mại;
- Đại lý mua, bán ký gửi hàng hóa;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải;
- Dịch vụ lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách đường sắt, đường thủy và đường bộ;
- Lắp đặt máy móc thiết bị;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Khai thác dầu thô;
- Bán lẻ, bán buôn xăng dầu;
- Dịch vụ xăng dầu bao gồm: dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu, dịch vụ vận tải xăng dầu;
- Kinh doanh xăng dầu: xuất khẩu (xăng dầu, nguyên liệu sản xuất trong nước và xăng dầu, nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu), nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, sản xuất, pha chế xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; sản phẩm cho ngành hóa dầu và cho ngành sản xuất chất phủ đường, côn trắng, varolin, sáp paraffin, nhớt, bánh dầu, sản phẩm dầu mỏ tinh chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh) của Công ty như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hòa Bình;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Phú Thọ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Lào Cai;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Quảng Ninh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Nghệ An;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Bắc Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Bắc Kạn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Thái Nguyên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hưng Yên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Yên Bái;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Tuyên Quang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Vĩnh Phúc;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Ninh Bình;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Nam Định;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hải Phòng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội tại Hà Giang;
- Chi nhánh Đông Hà Nội - Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh được

Các thông tin và số liệu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đảm bảo khả năng so sánh được khi tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4.2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

4.7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, phần mềm máy vi tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

Bản quyền, bằng sáng chế được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 10 năm.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất, công cụ dụng cụ, chi phí thuê cửa hàng được phân bổ dần vào chi phí, chi phí sửa chữa cửa hàng xăng dầu. Giá trị lợi thế vị trí địa lý các lô đất được phân bổ dần vào chi phí tương ứng với thời gian thuê còn lại của các lô đất kể từ khi nhận tài sản góp vốn của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP. Giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định thể hiện số tiền thuê đã trả trước, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.10. Quyết toán quỹ tiền lương và các khoản trích theo lương

Công ty đang thực hiện trích quỹ tiền lương theo hướng dẫn tại Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và các hướng hướng dẫn của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP. Trong năm, Công ty thực hiện trích quỹ tiền lương khoảng 70,355 tỷ đồng. Quỹ tiền lương của Công ty sẽ được quyết toán khi nhận được phê duyệt chính thức của Tổng Công ty Dầu Việt Nam vào cuối năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.14. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

Trong năm, Công ty ghi nhận thu nhập khác đối với các khoản hỗ trợ tạo nguồn từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc các khoản nợ phải thu trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.

4.16. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

5. TIỀN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	3.393.160.393	3.332.787.148
Tiền gửi ngân hàng	56.604.954.311	45.390.870.610
Tiền đang chuyển	516.019.080	-
Cộng	60.514.133.784	48.723.657.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Giá trị khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2022 với số tiền 3.900.000.000 đồng là khoản tiền gửi theo hợp đồng với Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long của Hợp đồng tiền gửi số 350/2022/00005/HĐTĐ ngày 21/06/2022 thời hạn 12 tháng với lãi suất 4,6%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ Phần E95	163.998.330	66.668.860
Công ty TNHH Đại Quế Lâm	-	132.617.930
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	501.600.000	
Nguyễn Văn Hà	513.562.262	-
Phải thu khác	448.022.653	60.845.949
Tạm ứng	1.406.791.540	1.517.270.708
Cộng	3.033.974.785	1.777.403.447
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan(*)</i>	<i>501.600.000</i>	<i>-</i>

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30.

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - XN Vật tư Hòn Gai	124.364.484.210	122.107.366.506
Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	75.679.267.974	-
Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	18.006.405.285	10.187.881.850
Công ty Cổ phần Giao hàng tiết kiệm	9.001.494.850	1.269.455.129
Tổng công ty Đường Sắt Việt Nam (XN Đầu máy Vinh)	6.343.090.775	15.230.695.982
CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền - VIMICO	5.631.605.318	3.074.223.442
Công ty Cổ phần Đại Đồng Xuân	4.985.862.485	4.991.964.952
Công ty TNHH Tân Bình	4.727.573.052	6.749.803.552
Các khoản phải thu khách hàng khác	83.473.262.931	45.482.988.112
Cộng	332.213.046.880	209.094.379.525
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (*)</i>	<i>4.508.022.756</i>	<i>2.090.380.126</i>

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số 09-DN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải thiết bị truyền dẫn	Thiết bị		Cộng
	VND	VND	VND	dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	VND
Nguyên giá						
Tại 01/01/2022	113.198.124.289	25.791.864.417	44.962.091.258	7.061.576.635	100.000.000	191.113.656.599
Mua trong năm	400.140.000	1.325.242.962	-	30.000.000	-	1.755.382.962
Tăng do sáp nhập PVOIL Hà Giang	9.779.736.914	3.826.221.064	2.491.308.410	159.570.000	966.053.147	17.222.889.535
Đầu tư XD CB hoàn thành	11.101.626.947	282.000.000	2.788.589.630	48.602.819	-	14.220.819.396
Tại 31/12/2022	124.699.891.236	27.399.107.379	47.750.680.888	7.140.179.454	1.066.053.147	224.312.748.492
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2022	48.860.165.143	15.110.827.913	26.415.520.675	5.780.825.888	65.833.307	96.233.172.926
Khấu hao trong năm	7.229.083.891	1.866.411.701	3.416.197.057	729.650.456	66.066.605	13.307.409.710
Tăng do sáp nhập PVOIL Hà Giang	4.585.615.076	2.301.692.400	1.270.842.793	159.570.000	425.448.208	8.743.168.477
Tại 31/12/2022	60.674.864.110	19.278.932.014	31.102.560.525	6.670.046.344	557.348.120	118.283.751.113
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2022	64.337.959.146	10.681.036.504	18.546.570.583	1.280.750.747	34.166.693	94.880.483.673
Tại 31/12/2022	64.025.027.126	8.120.175.365	16.648.120.363	470.133.110	508.705.027	106.028.997.379

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 42.488.707.092 đồng (tại 31/12/2021 là 32.382.057.345 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số 09-ĐN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Bản quyền, bằng sáng chế		Chương trình phần mềm		Tài sản cố định vô hình khác		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND
Nguyên giá									
Tại 01/01/2022	38.466.349.921		90.000.000		2.788.490.718		1.031.162.718		42.376.003.357
Mua trong năm	3.382.222.222		-		180.000.000		-		3.562.222.222
Tăng do sáp nhập PVOIL Hà Giang	1.472.454.545		-		424.830.000		-		1.897.284.545
Tại 31/12/2022	43.321.026.688		90.000.000		3.393.320.718		1.031.162.718		47.835.510.124
Giá trị hao mòn lũy kế									
Tại 01/01/2022	6.748.164.805		90.000.000		2.384.280.529		721.682.682		9.944.128.016
Khấu hao trong năm	669.322.860		-		293.982.992		54.126.276		1.017.432.128
Tăng do sáp nhập PVOIL Hà Giang	-		-		31.347.000		-		31.347.000
Tại 31/12/2022	7.417.487.665		90.000.000		2.709.610.521		775.808.958		10.992.907.144
Giá trị còn lại									
Tại 01/01/2022	31.718.185.116		-		404.210.189		309.480.036		32.431.875.341
Tại 31/12/2022	35.903.539.023		-		683.710.197		255.353.760		36.842.602.980

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 2.915.720.718 đồng (tại 31/12/2021 là 2.880.980.178 đồng)

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật Đầu tư (PETEC)	7.954.128.000	(5.120.943.360)	2.833.184.640	7.954.128.000
Cộng	7.954.128.000	(5.120.943.360)	2.833.184.640	7.954.128.000
				(4.428.934.224)
				3.525.193.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Xăng A95	8.303.732.412	(215.978.036)	50.752.320.945	-
Xăng E5	9.290.068.273	(159.176.531)	29.683.737.604	-
Dầu Do 0.5%S	11.443.211.203	(1.016.982.534)	28.350.771.144	-
Dầu mỡ nhờn	3.397.792.984	-	1.184.111.131	-
Chi phí thu mua	45.980.894	-	177.466.102	-
Hàng hóa khác	104.693.033	-	76.534.476	-
Hàng hóa PV Mart	716.203.330	-	-	-
Công cụ dụng cụ	76.912.358	-	-	-
Cộng	33.378.594.487	(1.392.137.101)	110.224.941.402	-

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.505.770.923	1.632.574.787
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	3.505.770.923	1.632.574.787
b) Dài hạn	93.772.149.772	89.411.907.380
Giá trị lợi thế vị trí địa lý	75.192.309.039	73.115.249.612
Chi phí trả trước dài hạn khác	18.579.840.733	16.296.657.768
Cộng	97.277.920.695	91.044.482.167

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-
Tăng trong năm	10.749.344.717	2.108.354.782	12.857.699.499
Tăng do sáp nhập Chi nhánh Hà Giang	10.749.344.717	2.108.354.782	12.857.699.499
Giảm trong năm			
Tại ngày 31/12/2022	<u>10.749.344.717</u>	<u>2.108.354.782</u>	<u>12.857.699.499</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-
Tăng trong năm	1.715.470.227	657.303.532	2.372.773.759
Tăng do sáp nhập Chi nhánh Hà Giang	1.321.327.611	539.096.380	1.860.423.991
Tăng trong năm	394.142.616	118.207.152	512.349.768
Tại ngày 31/12/2022	<u>1.715.470.227</u>	<u>657.303.532</u>	<u>2.372.773.759</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	<u>9.033.874.490</u>	<u>1.451.051.250</u>	<u>10.484.925.740</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Mua sắm tài sản	1.245.454.545	-
Xây dựng cơ bản	8.486.834.859	3.455.251.112
Sửa chữa lớn TSCĐ	273.937.785	135.048.896
Cộng	10.006.227.189	3.590.300.008

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	169.093.078.244	110.743.484.031
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	36.833.452.650	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	15.268.711.988	10.832.466.779
CN Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL Miền Bắc	11.995.938.231	8.093.883.399
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	11.332.527.446	8.033.373.373
Các đối tượng khác	16.982.370.707	9.380.556.367
Cộng	261.506.079.266	147.083.763.949
Trong đó:		
Phải trả khách hàng là các bên liên quan (*)	251.001.460.862	140.210.594.285

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30.

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Rủi ro phải trả về thiệt hại môi trường	2.545.590.015	2.340.190.015
Cộng	2.545.590.015	2.340.190.015

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	146.003.928	118.403.334
Bảo hiểm thất nghiệp	1.693.256	1.693.256
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.332.439.998	3.877.000.000
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	4.317.324.750	1.914.960.671
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí PVOIL Miền Trun	7.774.394.590	4.740.068.070
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	84.888.039	1.638.065.109
Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Sài Gòn	4.330.257.763	3.115.837.807
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	4.632.613.769	2.002.300.050
Phải trả khác	27.507.481.684	16.417.078.725
Cộng	54.127.097.777	33.825.407.022
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan(*)	45.560.057.686	27.284.181.857

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong kỳ			31/12/2022
	01/01/2022	Phải nộp	Đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	8.317.727.577	75.191.852.837	76.757.252.569	6.752.327.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.233.292.622	5.346.954.838	6.215.186.197	1.365.061.263
Thuế thu nhập cá nhân	24.953.087	715.633.100	539.199.616	201.386.571
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	3.456.367.236	3.456.367.236	-
Thuế môn bài	-	59.500.000	59.500.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	88.188.215.292	563.483.226.480	622.394.192.454	29.277.249.318
Cộng	98.764.188.578	648.253.534.491	709.421.698.072	37.596.024.997
Trong đó :				
- Số thuế phải nộp	98.764.188.578			37.596.024.997
- Số thuế phải thu	-			-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	250.000.000.000	15.941.718.932	3.419.378.748	269.361.097.680
Lãi trong năm	-	-	10.533.376.770	10.533.376.770
Phân phối lợi nhuận năm 2020	-	-	(1.837.532.740)	(1.837.532.740)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.837.532.740)	(1.837.532.740)
Chi trả tiền hợp tác đầu tư CHXD năm 2020	-	-	(24.000.000)	(24.000.000)
Thù lao năm 2020	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Thù lao năm 2021	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
Chi trả tiền hợp tác đầu tư CHXD năm 2021	-	-	(187.098.000)	(187.098.000)
Tại ngày 01/01/2022	250.000.000.000	15.941.718.932	11.568.124.778	277.509.843.710
Lãi trong năm	-	-	10.833.231.306	10.833.231.306
Phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	(5.686.765.383)	(5.686.765.383)
Quỹ khen thưởng	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Quỹ phúc lợi	-	-	(4.312.845.383)	-
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	-	-	(673.920.000)	-
Tăng do sáp nhập PVOIL Hà Giang	14.564.100.000	8.420.944.301	(336.618.071)	22.648.426.230
Trích trước phần cổ tức năm 2021 phải trả theo Nghị quyết 929/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022	-	-	(5.291.282.000)	(5.291.282.000)
Giảm khác	-	-	(233.784.000)	(233.784.000)
Tại 31/12/2022	264.564.100.000	24.362.663.233	10.852.906.630	299.779.669.863

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn góp tại 31/12/2022	Vốn góp tại 01/01/2022
	VND Tỷ lệ	VND Tỷ lệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	190.071.070.000 71,84%	178.366.000.000 71,35%
Ngân hàng Thương mại TNHH Đại Dương	27.500.000.000 10,39%	27.500.000.000 11,00%
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	7.500.000.000 2,83%	7.500.000.000 3,00%
Các cổ đông khác	39.493.030.000 14,93%	36.634.000.000 14,65%
	264.564.100.000 100%	250.000.000.000 100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng (cổ phiếu)	26.456.410	25.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	264.564.100.000	250.000.000.000
Cộng	<u>264.590.566.410</u>	<u>250.025.010.000</u>

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
1. Hàng hóa nhận giữ hộ của khách hàng		
- Xăng A95	Lít 287.532	123.787
- Dầu DO	Lít 253.954	306.425
- Xăng E5	Lít 310.184	420.223

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xăng RON95	2.350.035.351.987	1.128.876.721.489
Doanh thu kinh doanh xăng E5RON92	1.798.972.853.625	875.678.590.922
Doanh thu kinh doanh dầu DO	5.256.799.312.213	2.579.186.241.391
Doanh thu kinh doanh hàng hóa khác	7.873.835.119	3.360.431.137
Hoạt động cung cấp dịch vụ	8.192.065.793	5.483.646.529
Cộng	<u>9.421.873.418.737</u>	<u>4.592.585.631.468</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>1.616.294.666</u>	<u>1.225.833.392</u>
Chiết khấu thương mại	1.616.294.666	1.225.833.392
Cộng	<u>9.420.257.124.071</u>	<u>4.591.359.798.076</u>
Trong đó		
Doanh thu với các bên liên quan (*)	385.197.347.890	236.697.525.813

(*) Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30.

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh xăng RON95	2.289.934.376.411	1.086.881.207.490
Giá vốn kinh doanh xăng E5RON92	1.754.787.322.450	843.274.124.787
Giá vốn kinh doanh dầu DO	5.146.641.042.118	2.487.522.927.787
Giá vốn kinh doanh hàng hóa khác	5.964.708.882	2.373.471.730
Giá vốn cung cấp dịch vụ	684.337.320	32.233.586
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.392.137.101	-
Cộng	<u>9.199.403.924.282</u>	<u>4.420.083.965.380</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	57.044.135.470	40.780.081.807
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	21.575.772.055	10.319.426.679
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.691.746.797	11.819.935.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.197.291.493	47.379.470.177
Chi phí bằng tiền khác	35.581.686.562	22.607.984.899
Cộng	181.090.632.377	132.906.899.452

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	36.991.168.425	29.689.621.971
Chi phí nhiên liệu, đồ dùng, dụng cụ	4.333.380.582	4.416.676.365
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.461.107.489	1.541.394.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.842.995.400	2.551.306.416
Chi phí dự phòng	1.872.529.610	814.551.055
Chi phí bằng tiền khác	17.384.138.016	7.894.380.680
Cộng	64.885.319.522	46.907.930.689

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân công	94.035.303.895	70.469.703.778
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.909.152.637	14.736.103.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.837.191.606	13.361.330.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.040.286.893	49.930.776.593
Chi phí bằng tiền khác	52.965.824.578	30.502.365.579
Chi phí dự phòng	1.872.529.610	814.551.055
Cộng	246.660.289.219	179.814.830.141

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hỗ trợ tạo nguồn (*)	32.742.781.818	23.391.811.681
Nhượng bán, thanh lý tài sản	-	22.727.273
Thu nhập khác	1.828.592.235	1.235.867.027
Cộng	34.571.374.053	24.650.405.981

Công ty ghi vào thu nhập khác đối với khoản hỗ trợ tạo nguồn theo Quyết định số 273/QĐ-DVN ngày 11/06/2020 về việc "Ban hành chính sách hỗ trợ tạo nguồn cho PVOIL Hà Nội" của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận trước thuế	16.180.186.144	15.369.254.726
Các khoản chi phí không được trừ	10.554.588.045	8.810.135.054
- Phân bổ lợi thế vị trí địa lý	6.872.661.668	7.027.130.334
- Phạt thuế	197.316.527	1.410.264
- Chi phí khác	3.484.609.850	1.781.594.456
Thu nhập chịu thuế	26.734.774.189	24.179.389.780
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.346.954.838	4.835.877.956

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.833.231.306	10.533.376.770
Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	5.686.765.383
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.833.231.306	4.846.611.387
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	26.456.410	25.000.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	409	194

(*) Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2022, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên số 929/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022.

30. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Đơn vị	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco)	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Cùng Công ty mẹ

Đơn vị	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần tại khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp Xăng Dầu Petec Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.782.232.901.187	4.271.038.751.126
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	7.952.048.336.655	3.801.202.636.204
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	132.030.659.684	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	118.672.681.128	85.713.155.265
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	111.215.296.232	61.785.825.846
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	91.427.267.445	55.299.777.879
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	90.064.346.687	53.211.950.126
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	65.295.999.999	2.425.623.050
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	40.092.303.673	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	37.442.816.566	9.689.090.909
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	31.256.041.682	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	28.120.660.273	43.301.108.747
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	26.556.141.248	64.294.463.182
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	22.510.900.046	566.565.259
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	17.443.138.834	38.679.631.765
Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong	6.790.093.136	21.100.063.545
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	6.576.176.590	8.772.500.636
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	2.387.714.716	207.964.201
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	1.782.058.699	4.025.155.318
Công ty TNHH MTV Xăng dầu dầu khí Việt Nam	479.048.154	-
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	41.219.740	40.510.194
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	-	20.722.729.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng hóa và dịch vụ	385.197.347.890	236.697.525.813
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	67.930.711.408	69.452.132.585
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	58.870.459.136	10.128.714.389
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	51.139.433.855	23.348.950.177
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	46.452.711.591	17.016.564.269
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	41.767.717.856	33.176.043
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	41.202.048.186	16.878.795.588
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	26.968.098.909	55.974.802.196
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	18.526.615.546	9.603.962.551
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	10.425.883.870	3.615.625.769
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	7.191.414.864	44.770.090
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	7.147.528.453	136.845.676
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	5.722.595.729	12.250.347.047
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	1.283.727.271	1.355.782.996
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	195.624.955	8.880.316.179
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	181.766.181	2.513.479.861
Công ty Cổ phần Xăng dầu MeKong	145.465.173	86.183.590
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	20.955.818	11.195.452
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	16.053.544	18.621.409
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	7.253.454	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	721.637	953.999
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	560.454	-
CN Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	-	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	-	44.987.860
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Xăng dầu Dầu khí Hà Giang	-	5.301.318.087
Số dư với bên liên quan:	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn	4.508.022.756	2.090.380.126
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1.960.994.580	455.578.620
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	965.552.330	424.968.450
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	857.007.030	285.990.740
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	280.254.760	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	229.851.620	692.763.600
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	136.632.670	38.474.060
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	-	55.435.120
Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong	64.776.830	3.899.940
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	7.373.500	41.165.070
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	3.411.436	3.218.096
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	2.168.000	88.886.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn	251.001.460.862	140.210.594.285
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	169.111.481.545	111.269.790.513
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	36.833.452.650	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	15.268.711.988	10.832.466.779
Công ty Cổ phần Dầu Nhòn PVOIL	11.995.938.231	8.093.883.399
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	11.332.527.446	8.033.373.373
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	6.100.978.383	-
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	240.681.706	1.606.262.832
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	107.451.963	361.950.925
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	9.885.830	12.866.464
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	351.120	-
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Người mua trả tiền trước	115.000.160	19.198.613
Tổng công ty Dầu Việt Nam	-	16.740.283
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	-	2.458.330
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	115.000.160	-
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả ngắn hạn khác	45.560.057.686	27.284.181.857
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí PVOIL Miền Trung	7.774.394.590	4.740.068.070
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	4.632.613.769	2.002.300.050
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	4.330.257.763	3.115.837.807
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	4.317.324.750	1.914.960.671
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Phú Thọ	4.289.950.729	2.081.886.750
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	4.195.301.040	2.808.337.260
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	3.812.177.840	1.210.862.255
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	2.497.698.803	1.445.556.434
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	2.080.514.760	700.865.570
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hoá	1.740.983.246	1.006.552.029
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	1.735.533.830	1.911.828.059
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.441.502.868	818.736.510
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	1.069.492.250	638.890.210
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	729.317.620	319.664.449
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	317.738.886	226.962.630
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	312.973.034	423.494.464
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bạc Liêu	166.161.830	260.714.010
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	84.888.039	1.638.065.109
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Trà Vinh	31.232.039	18.599.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	501.600.000	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	501.600.000	-
Thù lao, thu nhập của Ban điều hành Công ty		
	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thù lao HĐQT và BKS	-	168.000.000
Thù lao	-	168.000.000
Thu nhập Ban giám đốc	5.844.837.306	3.703.818.640
Lương, thưởng	5.844.837.306	3.703.818.640

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và các khoản nợ phải trả. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, các khoản nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.514.133.784	48.723.657.758
Các khoản phải thu	331.992.092.488	210.871.782.972
Cộng tài sản tài chính	392.506.226.272	259.595.440.730
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản nợ tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn	261.506.079.266	147.083.763.949
Chi phí phải trả ngắn hạn	984.831.189	826.042.637
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.127.097.777	33.825.407.022
Doanh thu chưa thực hiện	1.998.725.003	670.702.425
Cộng các khoản nợ tài chính	318.616.733.235	182.405.916.033

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đồng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty không có rủi ro tỷ giá do không có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu phụ thuộc nhiều vào biến động giá cả thế giới và được mua từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP nên Công ty có thể chịu nhiều rủi ro về biến động giá đầu vào. Công ty chưa thể áp dụng các công cụ cần thiết để giảm thiểu các rủi ro này do Việt Nam chưa có thị trường ngoài việc trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có phải chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa các khoản nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của các khoản nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2022			
Phải trả người bán ngắn hạn	147.083.763.949	-	147.083.763.949
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	670.702.425	-	670.702.425
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.825.407.022	-	33.825.407.022
Cộng	182.405.916.033	-	182.405.916.033
Tại 31/12/2022			
Phải trả người bán ngắn hạn	261.506.079.266	-	261.506.079.266
Chi phí phải trả ngắn hạn	984.831.189	-	984.831.189
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.127.097.777	-	54.127.097.777
Cộng	318.616.733.235	-	318.616.733.235

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức độ đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết thể hiện được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.723.657.758	-	48.723.657.758
Các khoản phải thu	210.871.782.972	-	210.871.782.972
Cộng	259.595.440.730	-	259.595.440.730
Tại 31/12/2022			
Tiền và các khoản tương đương tiền	60.514.133.784	-	60.514.133.784
Các khoản phải thu	331.992.092.488	-	331.992.092.488
Cộng	392.506.226.272	-	392.506.226.272

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu các loại. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22 Phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày 31/12/2022 cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

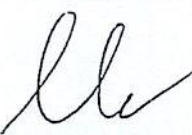
34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số dư của ngày 31/12/2021 chuyển sang và số so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

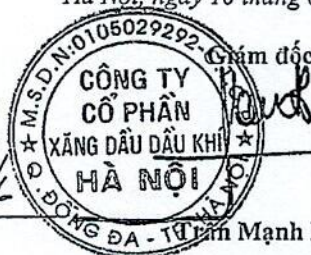
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Trang


Lê Đức Dân



Số: 534/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về phương án phân chia lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023 của Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Hà Nội

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/01/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân chia lợi nhuận năm 2022, kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023, như sau:

A. Tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Giá trị tại 31/12/2022 (đồng)
I	TỔNG TÀI SẢN	694.817.153.363
1	Tài sản ngắn hạn	434.849.065.663
	Tiền và các khoản tương đương tiền	64.414.133.784
	Các khoản phải thu ngắn hạn	333.508.508.307
	Hàng tồn kho	31.986.457.386
	Tài sản ngắn hạn khác	4.939.966.186
2	Tài sản dài hạn	259.968.087.700
	Tài sản cố định	152.877.827.548
	Bất động sản đầu tư	10.484.925.740
	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.833.184.640
	Tài sản dài hạn khác	93.772.149.772
II	NGUỒN VỐN	694.817.153.363
1	Nợ phải trả	395.037.483.500
	Nợ ngắn hạn	390.493.168.482

	<i>Nợ dài hạn</i>	4.544.315.018
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	299.779.669.863
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	264.564.100.000
	<i>Quỹ đầu tư phát triển/khác</i>	24.362.663.233
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	10.852.906.630
III	KẾT QUẢ KINH DOANH	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.420.257.124.071
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2022	16.180.186.144
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	10.833.231.306
4	Lợi nhuận còn lại năm 2021 và các năm trước chuyển sang	11.231.506.707
5	Phân chia tiền lợi nhuận năm 2022 với BCH Quân Sự Tỉnh Quảng Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư	233.784.000
6	Chia cổ tức từ LN chưa phân phối 2021	5.291.282.000
7	Trích các quỹ từ LNST 2021	5.686.765.383
8	Tổng lợi nhuận còn lại năm 2022 và 2021 (7=3+4-5-6-7)	10.852.906.630

B. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023

Căn cứ các nội dung về kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2022 tại Nghị quyết số 929/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022 của PVOIL Hà Nội và kết quả hoạt động SXKD năm 2022 như trên, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023 như sau:

I. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022		10.833.231.306
2	Các khoản chi trả từ lợi nhuận sau thuế năm 2022		401.784.000
-	<i>Chi trả khoản hợp tác đầu tư với BCH Quân sự tỉnh Quảng Ninh</i>		233.784.000
-	<i>Chi thù lao cho HĐQT/BKS không chuyên trách năm 2022</i>		168.000.000
3=1-2	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 trước khi trích lập các quỹ		10.431.447.306
4	Trích lập quỹ	40,0%	4.172.578.922
-	<i>Quỹ khen thưởng</i>		
-	<i>Quỹ thưởng cán bộ quản lý (bằng 1,5 tháng lương thực hiện)</i>	6,9%	716.040.000
-	<i>Quỹ phúc lợi</i>	33,1%	3.456.538.922
-	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>		
5=3-4	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 còn lại sau trích quỹ		6.258.868.384
6	Lợi nhuận năm 2021 còn để lại		253.459.324
7	Chia cổ tức	2,0%	5.291.282.000
8	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 còn lại sau khi chia cổ tức (8=5+6-7)		1.221.045.708

Ghi chú: Đơn vị đề xuất mức trích quỹ 40% LNST đúng như Nghị Quyết 929/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022 cho toàn bộ phần Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi là 4.172.578.922 đồng (trong đó Quỹ Khen thưởng Ban điều hành = 716.400.000 đồng, Quỹ KTPL = 3.456.538.922 đồng).

II. Kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023

STT	Nội dung	Diễn giải
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	LNST
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 trước khi trích lập các quỹ ¹	
3	Trích lập các quỹ. Dự kiến ² : - Quỹ Khen thưởng - Quỹ Phúc lợi - Quỹ Đầu tư Phát triển - Quỹ thưởng Người quản lý	40% Lợi nhuận trước khi trích lập các quỹ
4	Lợi nhuận còn lại năm 2023 sau khi trích lập các quỹ	$4 = 2 - 3$
5	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	
6	Lợi nhuận dùng để chia cổ tức năm 2023	$6 = 4 + 5$
7	Chia cổ tức năm 2023	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên

Trên đây là Tờ trình phân chia lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2023 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC, LTH. 01b.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Hoài Lam



¹ LNST trước khi trích quỹ được xác định bằng LNST trừ đi các khoản gồm: Lợi nhuận chia cho các bên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có); Lỗ lũy kế năm trước chuyển sang (nếu có); Truy thu thuế (nếu có) và các khoản khác được trích vào LNST theo quy định;

² Tỷ lệ trích cụ thể sẽ thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH và các quy định hiện hành của Nhà nước;

Số: 535/TTr-HDQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành
của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội năm 2022 và kế hoạch 2023

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội

Căn cứ điểm K khoản 2 Điều 138, điểm a khoản 2 Điều 163, khoản 1 Điều 172 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 26/05/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 16/11/2010 và các bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 929/NQ-DHĐCĐ ngày 20/04/2022;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về tiền thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty năm 2022; kế hoạch năm 2023; Báo cáo tiền lương năm 2022 của Giám đốc Công ty và người quản lý khác như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

TT	Chức danh	Số người	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2023
I	Đối với PVOIL Hà Nội			
1	Chủ tịch HĐQT	01	6.500.000 đ/người/tháng	6.500.000 đ/người/tháng
2	Thành viên HĐQT	01	3.500.000 đ/người/tháng	3.500.000 đ/người/tháng
3	Thành viên Ban kiểm soát	02	2.000.000 đ/người/tháng	2.000.000 đ/người/tháng
	cộng		168.000.000 đồng	168.000.000 đồng

Ghi chú: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty hoặc Phó Giám đốc Công ty, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương và phụ cấp kiêm nhiệm theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

2. Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác năm 2022

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2022
1	Ông Trần Mạnh Hà	Thành viên HĐQT, Giám đốc	493.079.892 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2022
2	Ông Lưu Chí Nguyên	Thành viên HĐQT chuyên trách	134.019.900 đồng
3	Ông Đào Xuân Hữu	Thành viên HĐQT chuyên trách	378.175.814 đồng
4	Ông Đỗ Khắc Cường	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CN Hà Giang	293.979.690 đồng
5	Ông Đào Đại Thắng	Phó Giám đốc	388.058.156 đồng
6	Ông Trần Việt Hùng	Phó Giám đốc	377.215.827 đồng
7	Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Giám đốc	367.324.044 đồng
8	Bà Nguyễn Thu Hà	Phó Giám đốc	192.470.990 đồng
9	Ông Vũ Văn Nghị	Trưởng ban kiểm soát	314.968.631 đồng
10	Ông Lê Đức Dân	Kế toán trưởng	326.789.802 đồng
	Quỹ lương tồn của Người quản lý chuyên trách đến thời điểm 31/12/2022		2.462.237.254 đồng
	Tổng cộng		5.728.320.000 đồng

Ghi chú:

- Ông Đỗ Khắc Cường được bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 22/04/2022.
- Ông Lưu Chí Nguyên thôi Thành viên HĐQT từ ngày 22/07/2022. Ông Đào Xuân Hữu được bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 22/07/2022 thay thế Ông Lưu Chí Nguyên.
- Bà Nguyễn Thu Hà được bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty từ ngày 27/07/2022.

3. Kế hoạch Quỹ lương năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Kế hoạch tiền lương năm 2023
1	Thành viên HĐQT	3	1.862.761.560 đồng
2	Phó Giám đốc Công ty	4	2.230.708.030 đồng
3	Trưởng ban kiểm soát	1	468.412.960 đồng
4	Kế toán trưởng	1	492.517.450 đồng
	Cộng	9	5.054.400.000 đồng

Ghi chú: 01 thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty và 02 thành viên HĐQT chuyên trách.

4. Quỹ thưởng Người quản lý (HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành)

- Thực hiện năm 2022: Công ty trích Quỹ thưởng Người quản lý với số tiền là 716.040.000 đồng tương đương 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý Công ty.

- Kế hoạch năm 2023:

+ Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn kế hoạch: trích tối đa 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

+ Lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch: trích tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách.

Trên đây là Tờ trình về tiền thù lao - thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông!

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Lưu: VT, TCHC, LTH. 01b. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH** 



Vũ Hoài Lam

